

Bài 5

NHỮNG NỎ ĐƯỜNG XỨ SỞ

(12 tiết)

*Nước non ngàn dặm mình**Nước non ngàn dặm tình*

(Thanh Hải)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).
- Du ngoạn qua những vùng đất mới được thể hiện qua 3 văn bản đọc.
- Công dụng của dấu ngoặc kép.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;
- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt);
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt;
- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.

3. Về phẩm chất:

- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Bản đồ Việt Nam, các đoạn phim ngắn giới thiệu về Cô Tô, về vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, về sông Cửu Long.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

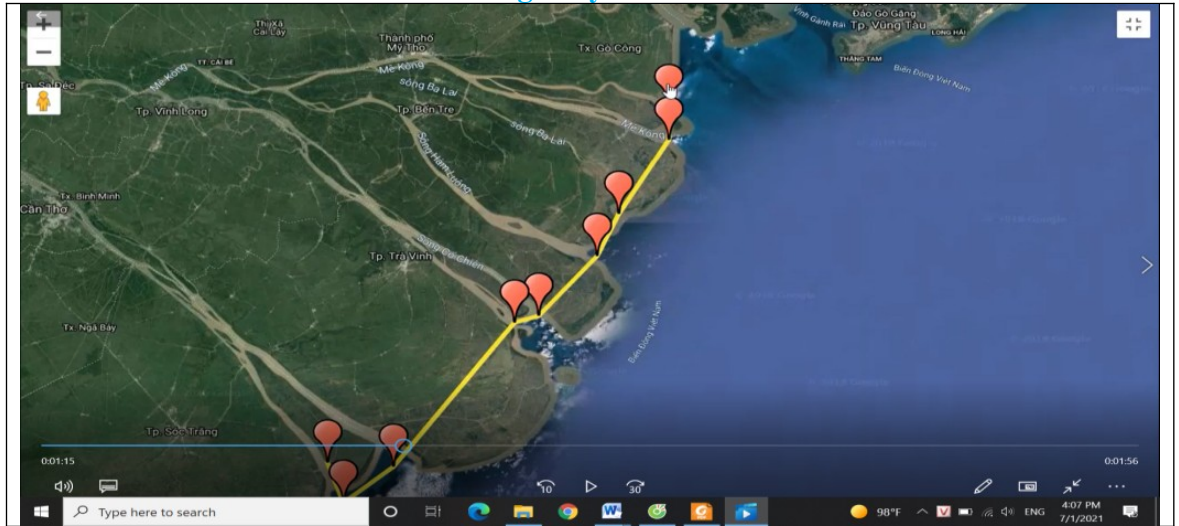
a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, xem video chín cửa sông đổ ra từ sông Mê Công, suy nghĩ cá nhân và trả lời.



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của đoạn phim: các nhánh cửa sông, cuộc sống của người dân miền Tây gắn với con sông Cửu Long.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)
- Tri thức ngữ văn (kí, du kí, cách kể trong kí, người kể chuyện trong kí, dấu ngoặc kép).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:
? Cho biết nội dung của đoạn phim? Đoạn phim gợi cho em cảm xúc gì?
2. Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.
3. Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ:
? Hãy kể tên một số địa danh mà em đã được đến thăm? Em thích nhất địa danh nào?
? Giới thiệu những ghi chép, trải nghiệm của cá nhân em trong một chuyến tham quan?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

1. HS quan sát video và nêu suy nghĩ cá nhân.
GV hướng dẫn HS quan sát.
2. HS đọc phần tri thức Ngữ văn
3. HS làm việc cá nhân 2', nhóm 5'
+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.
+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.
GV theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Văn bản 1. CÔ TÔ

(Trích, Nguyễn Tuân)



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyễn Tuân.
- Người kể chuyện ở trong kí (ngôi thứ nhất).
- Đặc điểm của thể loại du kí
- Đặc trưng của kí
- Trình tự một bài du kí

2. Về năng lực:

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;
- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,...

3. Về phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Tuân và văn bản “Cô Tô”
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

b)Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

? Em hãy kể tên và chia sẻ về những chuyến đi của mình, những nơi em từng được đến tham quan? Cảm xúc của em khi tới những nơi đó? Em có mong muốn quay trở lại đó không?

[illegible]

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát SGK

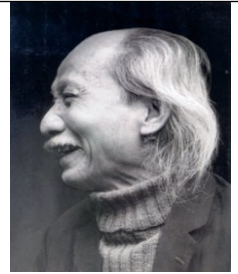
B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.

- Nguyễn Tuân (1910 – 1987)
- Quê: Hà Nội



- Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút), ...

**2. Tác phẩm**

a. Mục tiêu: - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục...)

b. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn và yêu cầu HS:

+ Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở chân trang;

+ Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bao biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,...);

a) Đọc và tìm hiểu chú thích

- HS đọc đúng.

b) Tìm hiểu chung

- *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.

- Thể loại: Kí;

<p>+ Dựa vào phần tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB;</p> <p>+ Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì? Gợi ý: Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi;</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.</p>	<p>- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả;</p> <p>- Bố cục: 4 phần</p> <p>+ Từ đầu... <i>quỷ khốc thần linh</i>: Con bão biển Cô Tô;</p> <p>+ <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây</i>: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);</p> <p>+ <i>Mặt trời... nhịp cánh</i>: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);</p> <p>+ Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).</p>
---	---

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Sự dữ dội của trận bão

a. Mục tiêu: Liệt kê được những địa danh, nhân vật xuất hiện trong đoạn trích; Thấy được cái nhìn rất độc đáo của tác giả về cơn bão biển.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS:

+ Em hãy kể tên những địa danh, nhân vật được xuất hiện trong đoạn trích?

+ Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- Những địa danh: Tô Trung, Tô Bắc, Tô Nam, Thanh Luân, đồn Khố xanh
Nhân vật: anh hùng Châu Hòa Mãn, chị Châu Hòa Mãn.

- Các danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận;

- Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trời đất trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;

- Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước
-> không gian rộng, bao la -> cho thấy sức gió mạnh, đẩy con người ra đi rất xa;

- Các từ, cụm từ Hán Việt: hỏa lực, thủy tộc, quỷ khốc thần linh -> tăng màu sắc kì quái cho cơn bão.

- Biện pháp so sánh:

<p>nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.</p> <p>GV có thể bổ sung thêm: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, miêu tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ Hán Việt tinh anh (liên hệ với VB <i>Người lái đò sông Đà</i>).</p>	<p>+ mỗi viên cát như viên đạn mũi kim -> bắn vào má;</p> <p>+ gió như người bắn: chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn;</p> <p>+ sóng như vua thủy;</p> <p>+ gió rú rít như quỷ khốc thần linh => so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió.</p> <p>- Thủ pháp tăng tiến:</p> <p><i>Gác đảo nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dòn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn [...] như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh:</i></p> <p>+ Từ vây => dòn => bung hết, ép => vỡ tung => Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật;</p> <p>+ “càng”: cấp độ được tăng thêm => Từ miêu tả những cửa kính bị vỡ => miêu tả tiếng gió “ghê rợn” => so sánh với hình ảnh kì quái, sử dụng từ Hán Việt: “quỷ khốc thần linh”.</p> <p>=> Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận => diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão</p> <p>=> Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.</p> <p>=> Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.</p>
<p>2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão yên ả, tinh khôi</p> <p>a. Mục tiêu: Vẽ đẹp của Cô Tô sau khi cơn bão đi qua</p> <p>b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi yêu cầu HS:</p> <p>+ Biển sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)?</p> <p>+ Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh</p>	<p>- Cụm tính từ, động từ</p> <p>- Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng >< cảnh bão trời – trắng mù mù</p> <p>- Núi đảo, nước biển – Xanh mượt, lam biếc đậm đà</p> <p>- Cát – vàng giòn</p> <p>- Cá – trong bão: biệt tăm biệt tích, bão</p>

<p>trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?</p> <p>+ Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ <i>Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô...theo mùa sóng ở đây.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi;</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.</p>	<p>tan: lưới càng thêm nặng mẻ cá già đôi => tài nguyên phong phú => Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh giàu màu sắc, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.</p> <p>- Cảm xúc của tác giả: cách dùng từ gần gũi với dân chài: <i>động bão, mẻ cá già đôi, mùa sóng</i>; => Kể bằng hình ảnh trong kí có tác động lớn đến cảm nhận của người đọc.</p>
<p>3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô</p> <p>a. Mục tiêu: Vẽ đẹp có một không hai của biển đảo Cô Tô khi mặt trời lên</p> <p>b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?</p> <p>- Theo em để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS báo cáo kết quả;</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.</p>	

- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:
+ Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính => độ trong, sạch và sáng
+ Khi mặt trời bắt đầu nhú lên:
+ mặt trời như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thắm thắm => kết hợp từ mới lạ: hồng hào: chỉ màu sắc, thắm thắm: chỉ độ sâu;
+ bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh => hình ảnh nên thơ, tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa;
=> Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ => Tài quan sát, tưởng tượng
=> Bức tranh cực kỳ rực rỡ, lộng lẫy về cảnh mặt trời mọc trên biển;
- Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên => Cách đón nhận công phu và trang trọng
=> Thể hiện tình yêu của tác giả đối

	<p>với thiên nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở: + Cảnh và người đc nhìn từ trên cao: nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo (bờ đá đầu sù) + Nhìn từ nhiều vị trí khác nhau: toàn cảnh (bốn phương tám hướng), cận cảnh (giếng nước ngọt) => vừa toát lên vẻ đẹp bao la, hùng vĩ, vừa làm bật lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị của Cô Tô. + Thời gian dịch chuyển theo sự quan sát của nhà văn: bão lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão, ngày thứ tư, thứ 5, thứ 6, lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời cao bằng con sào,... => cách kể theo trình tự thời gian của kí.
<p>4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô</p> <p>a. Mục tiêu: Cuộc sống của người dân trên đảo Cô Tô và tình yêu của tác giả với thiên nhiên và con người nơi đây</p> <p>b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: + Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng? + Kết thúc bài <i>Kí Cô Tô</i> là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mẫn: “Trông chị Châu Hòa Mẫn địu con, thấy nó địu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành”. Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ; - Dự kiến sản phẩm: <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cái giếng nước ngọt giữa đảo; - Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gôm, các thuyền chờ mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá; - Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thôi cơm cũng không được lấy nước ngọt → Nước ngọt rất quý => Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô; => Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô - Hình ảnh chị Châu Hòa Mẫn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh: + Biển cả – người mẹ hiền + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển

<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi, báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. 	<p>=> Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm lớp theo bàn - Phát phiếu học tập - Giao nhiệm vụ nhóm: <p>? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?</p> <p>? Nội dung chính của văn bản “Cô Tô”?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập). <p>GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả tinh tế chính xác, giàu hình ảnh, cảm xúc. <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. - Bài văn cho ta thấy được tình cảm của tác giả, những hiểu biết về một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.
<p>3. HĐ3. Luyện tập</p> <p>a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.</p> <p>b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.</p> <p>c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>GV yêu cầu HS:</i> Trong <i>Cô Tô</i>, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cảnh miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết). - <i>HS:</i> hình dung hình ảnh mặt trời lúc mới mọc, từ đó thấy được mối liên hệ giữa sự vật so sánh và sự vật được so sánh. 	

+ HS lí giải tại sao tác giả lại so sánh như vậy.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

4. HĐ4. Vận dụng

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào thực tế cuộc sống

b. Nội dung: Vẽ tranh, làm thơ, sưu tầm các bài văn viết về cảnh bình minh trên biển.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Lựa chọn và hoàn thành một trong các nhiệm vụ sau:

+ Em hãy tưởng tượng và vẽ tranh về cảnh mặt trời mọc trên biển?

+ Sưu tầm các bài văn, thơ viết về cảnh bình minh trên biển.

+ Sáng tác bài thơ ngắn về bình minh trên biển.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nộp sản phẩm vào giờ học sau.

Điều chỉnh, bổ sung:

.....

Tham khảo:

Bình minh trên biển

Mặt trời như cái mâm con
 Nhô lên trên biển hòn son đỏ lừ
 Cao dần tỏa sáng ảo hư
 Một vùng sáng lóe từ từ lên cao
 Ông trăng chạy trốn cùng sao
 Để cho ánh sáng hồng hào rong chơi
 Thuyền buồm giương cánh xa khơi
 Mãi mê rong ruổi một trời tự do
 Ô kìa...trông giống chữ o
 Tỏa tia nắng ấm xuống cho mọi người
 Rộn ràng tiếng trẻ vui cười
 Nô đùa trên cát sóng lười đẩy đưa
 Bình minh trên biển... tuyệt chưa
 Trông như cô gái then thừa mới yêu
 Má hồng duyên dáng yêu kiều
 Làm cho bao kẻ liêu xiêu vì nàng
 Rạng đông trên biển dịu dàng
 Ta yêu biển yêu cả hàng dừa xanh
 Biển tung bọt sóng long lanh
 Dịu êm làn gió ngọt lành...biển ru.

(2 tiết)

CỬU LONG GIANG TA Ở

(Trích “*Cửu Long Giang ta ở*”, Nguyên Hồng)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyên Hồng
- Mạch cảm xúc của bài thơ
- Vẻ đẹp của dòng Cửu Long Giang và con người Nam bộ trong cảm nhận của nhà văn, nhà thơ Nguyên Hồng
- Niềm tự hào về quê hương, đất nước của tác giả được thể hiện qua nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh...

2. Về năng lực:

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả Nguyên Hồng
- Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long và con người Nam bộ qua nhịp thơ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận xét được tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước
- Liên hệ và so sánh Cửu Long Giang xưa kia hiện tại từ đó nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước, yêu thương con người và cuộc sống
- Trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ và xây dựng tổ quốc
- Lòng biết ơn

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, giáo án Word, giáo án ppt
- Tranh ảnh về nhà văn Nguyên Hồng và Tập thơ “Trời xanh”
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS nghe một đoạn bài hát “Mùa xuân trên dòng sông Mê Kông”

“Trọn niềm tin ước mơ mùa xuân rạng rỡ đẹp

Những mùa hoa và ước mơ đã về cùng với ta

Dòng nước êm như lụa mượt mà đẹp ý thơ đẹp

Cùng sát vai xây nên độc lập

Phù sa sông nước bồi cho cây ra muôn hoa

Sông nước Mê Kông soi trời xanh bao la.

? Con sông nào được nhắc đến trong bài hát? Em biết gì về con sông đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS

- GV kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: GV chuẩn bị sẵn bản đồ địa lí để giới thiệu về sông Mê Kông, sông Cửu Long, một số thông tin lịch sử, khoa học liên quan đến sông Cửu Long và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

I. TÌM HIỂU CHUNG	
1. Tác giả	
<p>a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyễn Hồng và tác phẩm “Cửu Long Giang ta ơi”.</p> <p>b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi 	
c) Tổ chức thực hiện	d) Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Hồng? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát SGK</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình.</p>	 <ul style="list-style-type: none"> - Tên khai sinh: Nguyễn Nguyên Hồng (1918 – 1982) - Quê quán: Nam Định - Ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. - Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, hồi kí, thơ, v.v... - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Những ngày thơ ấu</i> (hồi kí), <i>Bỉ vỏ</i> (tiểu thuyết), <i>Trời xanh</i> (thơ), <i>Cửa biển</i> (tiểu thuyết), <i>Bước đường viết văn</i> (hồi kí), v.v... - Trang viết của Xuân Hồng tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.

2. Tác phẩm	
<p>a) Mục tiêu: Giúp HS</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được những nét chung của văn bản (Xuất xứ, thể loại, PTBD, bố cục, nhan đề) <p>b) Nội dung: Thảo luận nhóm đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT thảo luận nhóm đôi 	
c) Tổ chức thực hiện:	d) Dự kiến kết quả:
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS cách đọc và tìm hiểu chú thích. - HS thảo luận nhóm đôi trong thời gian 2p + Thẻ thơ 	<p>a) Đọc và tìm hiểu chú thích</p> <p>b) Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Trời xanh” (1960) - Thể loại: Thơ tự do

<p>+ PTBD chính</p> <p>+ Ý nghĩa nhan đề bài thơ</p> <p>+ Bố cục của VB và nội dung từng phần</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc văn bản, chú thích - Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần). - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm. <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).</p> <p>GV: Nhận xét cách đọc của HS.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . 	<p>- PTBD chính: Biểu cảm</p> <p>Ý nghĩa nhan đề: Tiếng gọi yêu thương, tha thiết dòng Cửu Long Giang, đồng thời thể hiện ý thức sở hữu, niềm tự hào dân tộc.</p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>+ Phần 1: Từ đầu đến “cây số mông mênh” (Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ)</p> <p>+ Phần 2: Từ “Mê Kông chảy”... đến “chia cắt” (Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương.</p> <p>+ Phần 3: Phần còn lại (Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả).</p>
---	--

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT					
1. Dòng sông Mê Kông từ trang sách tuổi thơ					
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt nghĩa một số hình ảnh đặc sắc, từ đó phân tích tâm trạng của tác giả khi được tới trường và lắng nghe bài giảng của thầy. - Nhận xét về vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua cái nhìn tác giả <p>b) Nội dung: Thảo luận nhóm lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức học sinh thảo luận nhóm với những câu hỏi đã được chuẩn bị - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). 					
<p>c) Tổ chức thực hiện</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 4 nhóm - Phổ biến nội quy giờ thảo luận: + Tất cả các thành viên đều tham gia thảo luận + Tuân thủ nguyên tắc thời gian + Chỉ một người nói trong nhóm tại một thời điểm - Phát phiếu thảo luận số 1 cho HS <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xem lại phiếu cá nhân đã chuẩn bị trước (trong thời gian 1 phút) - HS thảo luận, thống nhất ý kiến vào phiếu lớn (5 phút) - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV:</p>	<p>d) Dự kiến sản phẩm</p> <p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Câu hỏi</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td> <p>Em hiểu như thế nào về những h/a sau:</p> <p>+ Tấm bản đồ rực rỡ:</p> <p>Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.</p> <p>Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp để lạ thường.</p> <p>+ Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:</p> <p>hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò.</p> <p>Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được</p> </td></tr> </tbody> </table>	Câu hỏi		1	<p>Em hiểu như thế nào về những h/a sau:</p> <p>+ Tấm bản đồ rực rỡ:</p> <p>Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.</p> <p>Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp để lạ thường.</p> <p>+ Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:</p> <p>hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò.</p> <p>Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được</p>
Câu hỏi					
1	<p>Em hiểu như thế nào về những h/a sau:</p> <p>+ Tấm bản đồ rực rỡ:</p> <p>Tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.</p> <p>Trong niềm háo hức, say mê được khám phá và chiếm lĩnh tri thức của người học trò, tấm bản đồ trở nên đẹp để lạ thường.</p> <p>+ Gậy thần tiên, cánh tay đạo sĩ:</p> <p>hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước và người thầy qua con mắt thần tượng, ngưỡng mộ của học trò.</p> <p>Người thầy như có phép lạ chấp cánh ước mơ cho học trò được</p>				

<p>- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.</p> <p>- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).</p> <p>HS:</p> <p>- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.</p> <p>- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.</p> <p>- Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục sau</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="901 89 981 179"></td><td data-bbox="981 89 1560 179">khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc</td></tr> <tr> <td data-bbox="901 179 981 656">2</td><td data-bbox="981 179 1560 656"> <p>Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?</p> <p>Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.</p> </td></tr> </table>		khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc	2	<p>Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?</p> <p>Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.</p>
	khám phá núi sông tuyệt vời của tổ quốc				
2	<p>Người học trò cảm nhận như thế nào về dòng sông Mê Kông qua bài giảng của thầy giáo?</p> <p>Dòng sông Mê Kông hiện lên kì vĩ, lớn lao quá sức tưởng tượng, trước con mắt ngạc nhiên, thán phục của người học trò.</p>				
<p>2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ trong thực tế xây dựng và bảo vệ quê hương</p>					
<p>a) Mục tiêu:</p> <p>- HS nhận ra và liệt kê được những chi tiết miêu tả vẻ đẹp trù phú của dòng sông Mê Kông.</p> <p>- HS chỉ ra được những chi tiết thể hiện vẻ đẹp của người nông dân Nam Bộ</p> <p>- HS nhận thấy được sự thay đổi trong cái nhìn và cảm nhận về dòng sông Mê Kông của tác giả so với thời ấu thơ.</p> <p>b) Nội dung: Tổ chức Nhóm chuyên gia</p> <p>- Nhóm chuyên gia trình bày những hiểu biết của mình về nét đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ, trao đổi, làm rõ những thắc mắc của các nhóm còn lại.</p>					
<p>c) Tổ chức thực hiện:</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>- GV phổ biến nội quy khi thực hiện hoạt động:</p> <p>+ HS chỉ được đặt câu hỏi sau khi Nhóm chuyên gia đã trình bày xong.</p> <p>+ Chỉ một người nói tại một thời điểm</p> <p>+ Thời gian dành cho phần trình bày là 5p, phần “hỏi chuyên gia” là 5 phút.</p> <p>- GV mời nhóm chuyên gia lên trình bày.</p> <p>Chú ý: GV phải phát trước bộ câu hỏi gợi ý, dẫn dắt để HS khai thác đúng hướng.</p> <p>* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”....</p> <p>“chân trời buồm trắng”</p> <p>1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ta đi...Bản đồ không nhìn nữa”?</p> <p>2. Em có nhận xét gì về không khí được diễn tả trong đoạn thơ “Ta đi...chân trời buồm trắng” và tâm trạng của tác giả?</p> <p>Tâm trạng đó nói lên tình cảm gì?</p> <p>Nghệ thuật của đoạn thơ có gì đặc sắc?</p>	<p>d) Dự kiến sản phẩm:</p> <p>* 14 câu thơ: Từ “Mê Kông chảy”....</p> <p>“chân trời buồm trắng”</p> <p>1. Nhà thơ giờ đây không còn là cậu bé 10 tuổi năm xưa với những tưởng tượng diệu kì về dòng sông trong bài giảng của thầy. Cậu bé ấy giờ đã lớn, đã bước ra và trải nghiệm thực tế với sông núi tuyệt vời của tổ quốc.</p> <p>2. Không khí trong đoạn thơ tươi vui, giàu sức sống những cũng rất yên bình (bầu trời xanh trong, bướm bướm lượn vòng, chim ca ríu rít, đất thở chan hoà...Thể hiện tâm trạng vui sướng hân hoan, hăm hở của chàng trai khi được hoà mình vào dòng sông mơ ước, vào đất trời tổ quốc. Niềm khao khát của cậu học trò năm xưa “<i>đưa ta đi sông núi tuyệt vời</i>” nay đã thành hiện thực.</p> <p>Tâm trạng của tác giả thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào, trái tim nhiệt thành</p>				

*** 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả”**

1. Trong đoạn thơ tiếp theo tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông qua những chi tiết nào?

2. Đoạn thơ có những nét nghệ thuật nào đặc sắc?

*** Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quận đẽ” đến “không bao giờ chia cắt”**

1. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Mê Kông quận đẽ chín nhánh sông vàng”?

2. Người dân Nam Bộ đã làm gì để đón nhận và phát triển, gìn giữ nguồn tài nguyên vô giá từ sông mẹ Mê Kông?

B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)

- Các nhóm hội ý trong vòng 2 phút:
- + Nhóm chuyên gia chuẩn bị thuyết trình
- + Các nhóm còn lại thống nhất các vấn đề cần giải đáp.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS:

- Nhóm chuyên gia cử đại diện trình bày, các thành viên khác trong lớp lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi cần giải đáp.
- Các thành viên của nhóm chuyên gia lần

dành cho quê hương đất nước.

Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hoá (Mê Kông cũng hát, núi rừng lùi xa, đất thở chan hoà), khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người.

*** 7 câu thơ tiếp theo: Từ “Nam Bộ” đến “lòng dừa trĩu quả”**

1. Khi chảy vào vùng đất Nam Bộ, sông Mê Kông được gọi là Cửu Long. Dòng sông được đặc tả ở nét đẹp trù phú:

+ *Phù sa nổi vàng*

+ *Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa*

+ *Tôm cá ngộp thuyền*

+ *Sầu riêng thơm dậy, lòng dừa trĩu quả...*

=> Dòng Cửu Long chính là nguồn sống màu mỡ, dạt dào, mang lại sự ấm no cho toàn bộ cư dân ĐBSCL.

2. Nghệ thuật tu từ liệt kê, kết hợp với các động từ mạnh, tính từ đặc tả đã cho thấy nguồn tài nguyên quý giá, vô hạn mà dòng Cửu Long Giang đã đem đến cho chúng ta.

*** Mười câu thơ tiếp: Từ “Mê Kông quận đẽ” đến “không bao giờ chia cắt”**

1. Dòng Mê Kông tự xẻ thân mình thành 9 nhánh sông con, truyền đi nguồn sống cho một vùng đồng bằng rộng lớn, giống như người mẹ xẻ thịt da sinh nở những đứa con, nuôi chúng lớn cùng đàn đàn con cháu.

2. Đón nhận sự ưu ái từ sông mẹ Mê Kông, người dân Nam Bộ không ngại gian nan, cực nhọc cùng bùn đất để xây dựng quê hương. Cuộc sống của họ gắn liền với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long.

Họ còn là những con người biết đoàn kết để gìn giữ đất đai, sông núi. Những cái tên: Hà Tiên, Gia Định, Long Châu, Gò Công, Gò vấp, Đồng Tháp, Cà Mau đều được tạo nên từ mồ hôi, xương máu bao đời của cha ông.

<p>lượt trả lời câu hỏi của các bạn.</p> <p>GV: Lắng nghe, quan sát học sinh, hỗ trợ giải đáp những vấn đề nhóm chuyên gia chưa giải quyết được.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.</p>	
---	--

3. Những suy tư, chiêm nghiệm của tác giả	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được sự thay đổi trong giọng điệu thơ, thể hiện tâm trạng của tác giả. - Cắt nghĩa được những hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ <p>b) Nội dung: Hoạt động cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời 	
<p>c) Tổ chức thực hiện:</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>- Giáo viên đặt câu hỏi cho HS</p> <p>1. Giọng điệu của đoạn thơ cuối có gì khác so với những phần trước? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả?</p> <p>2. Em hiểu như thế nào về suy tư của tác giả qua các hình ảnh:</p> <p>+ “<i>Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất</i>”</p> <p>+ “<i>Thước bảng to nay thành cán cờ sao</i>”</p> <p>+ “<i>Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử</i>”</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)</p> <p>- HS lắng nghe câu hỏi và suy nghĩ trả lời</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS trình bày ý kiến cá nhân</p> <p>- GV lắng nghe, gợi dẫn câu trả lời cho HS</p> <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.</p>	<p>d) Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả giờ đây không còn nhìn “tám bản đồ tổ quốc” với con mắt hào hứng của cậu trò nhỏ năm xưa, cũng đã qua thời tuổi trẻ sôi nổi, nhiệt thành hăm hở cống hiến. Đoạn thơ cuối là những suy tư của tác giả về quá khứ, hiện tại. Giọng điệu thơ trở nên thâm trầm, sâu lắng, buồn vui xen lẫn tự hào. - Những suy tư của tác giả: <ul style="list-style-type: none"> + “<i>Ta đã lớn, Thầy giáo già đã khuất</i>”: Câu thơ diễn tả sự trôi chảy của thời gian, man mác một nỗi buồn, nỗi nhớ. Người trò nhỏ đã trưởng thành, thầy cũng không còn nữa. Trong cái nhìn của ngày hôm nay, hình ảnh thầy giáo không còn to lớn như một đạo sĩ, mà kết đọng lại thành một kỉ niệm đẹp không thể phai mờ. + “<i>Thước bảng to nay thành cán cờ sao</i>”: Cây thước, tám bảng năm xưa cùng bao tri thức tuyệt vời trong bài giảng của thầy đã chắp cánh cho thế hệ học trò trưởng thành đứng lên xây dựng và bảo vệ tổ quốc. + “<i>Những tên làm man mác tuổi thơ xưa/ Đã thấm máu của bao hồn bất tử</i>”: Tiếp nối mạch cảm xúc về những con người đã cống hiến, hi sinh cho mảnh đất quê hương, tác giả thể hiện niềm tự hào và biết ơn sâu sắc những người đã ngã xuống. Tên tuổi của họ trở thành bất tử, vang vọng cùng núi, sông,

III. TỔNG KẾT

a) Mục tiêu:

HS khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

b) Nội dung:

GV đặt câu hỏi, các nhóm thảo luận, thống nhất và báo cáo.

c) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Sau vòng thảo luận chuyên gia, GV cho học sinh giữ nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập mới.

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?

? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.

- Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất)

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

HS:

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV:

- Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

- Chuyển dẫn sang đề mục sau.

d) Dự kiến sản phẩm:

1. Nghệ thuật

- Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm, giọng điệu phong phú gợi nhiều cảm xúc cho người đọc

- Sử dụng hình ảnh sinh động, giàu tính hình tượng

- Sử dụng thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, liệt kê.

2. Nội dung

Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào vô hạn của tác giả với dòng sông Mê Kông, với quê hương, đất nước.

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Viết 5 đến 7 câu văn chia sẻ những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với

d) Dự kiến sản phẩm:

Mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ chính là tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông, rộng lớn hơn là tình yêu tổ quốc. Tình yêu đó ngày càng lớn dần

dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong toàn bài thơ. (Chính là mạch cảm xúc liên kết toàn bài thơ)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định:

- GV đọc và chữa bài cho 1 vài học sinh (Tuỳ thuộc thời gian).

- GV chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau

và sâu sắc theo năm tháng (từ khi 10 tuổi, đến khi lớn khôn “*Ta đi... bản đồ không nhìn nữa*”, đến khi trưởng thành “*ta đã lớn*”): Bắt đầu từ những tưởng tượng diệu kì qua bài giảng của thầy giáo đến những hiểu biết và trải nghiệm phong phú về địa hình, thiên nhiên, cuộc sống và con người, đến những cảm nhận sâu sắc về bề dày lịch sử và truyền thống ông cha. Và xuyên suốt là niềm tự hào không dứt về quê hương, đất nước.

4. HD 4: Củng cố, mở rộng

a) **Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

HS được chọn một trong 2 nhiệm vụ sau:

- Tìm đọc một vài bài thơ trong tập thơ “Trời xanh” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.
- Sưu tầm một số bài thơ viết về thiên nhiên, đất nước cùng giai đoạn với bài “Cửu Long Giang ta ơi” của Nguyên Hồng, ghi chép vào sổ tay văn học và chia sẻ cảm nhận.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại sổ tay văn học để giáo viên kiểm tra, đánh giá.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

B. VIẾT

(3 tiết)

VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.
- Tả bao quát quang cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).
- Tả hoạt động cụ thể của con người.
- Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

- Cảm xúc của người viết về cảnh sinh hoạt.

2. Về năng lực:

- Biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.
- Biết quan sát cảnh sinh hoạt quanh mình, có khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

3. Về phẩm chất:

- Yêu thiên nhiên, con người.
- Chăm chỉ: Tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết.
- Trung thực: đánh giá khách quan, công bằng.
- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân và mọi người xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính hoặc máy tương tác, ti vi.
- Phiếu học tập.
- Video giới thiệu về cảnh sinh hoạt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được kiểu bài tả về một cảnh sinh hoạt. - Nhận biết được các bước tả trong văn miêu tả. - Biết sử dụng từ ngữ phù hợp với văn miêu tả để có bài văn rõ nét, sinh động. <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi, HS trả lời. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p>	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hỏi:</p> <p>? Trong bài “Cô Tô” của Nguyễn Tuân có miêu tả cảnh sinh hoạt không?</p> <p>? Em thấy người quan sát và miêu tả ở đây có tâm thế như thế nào?</p> <p>? Người quan sát yêu thích cảnh đó hay tò mò muốn khám phá và bắt gặp nhận ra... ?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát vb “<i>Cô Tô</i>”. - Suy nghĩ cá nhân - HS tả lại một cảnh sinh hoạt mà em đã thấy. <p>GV:</p>	<p>Văn bản : “<i>Cô Tô</i>” của Nguyễn Tuân.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến KK HS gặp: không biết tả về cảnh sinh hoạt. - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ: ? Cảnh sinh hoạt đó diễn ra ở đâu (nhà, trường, ...)? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả vào thời điểm nào? Cảnh sinh hoạt đó được miêu tả như thế nào?... <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi - HS trả lời <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét câu trả lời của HS - Kết nối với mục “<i>Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt</i>”. 	
--	--

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT	
<p>a) Mục tiêu: HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài tả cảnh sinh hoạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phù hợp với đề bài yêu cầu. - Biết cách quan sát, nhận xét và có trí tưởng tượng. <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia nhóm lớp - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập <p>c) Sản phẩm: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p>	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ: ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì? ? Người viết cần phải làm như thế để có bài văn hay và có sức thuyết phục? ? Văn tả cảnh sinh hoạt cần sử dụng ngôn từ như thế nào? ? Văn tả cảnh có cần bộc lộ cảm xúc của người viết không? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhớ lại văn bản “Cô Tô”. - Làm việc cá nhân 2’. - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập. <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm. <p>HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày sản phẩm nhóm. - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tả cảnh sinh hoạt. - Quan sát, lựa chọn đối tượng cụ thể, những chi tiết phù hợp (Thời gian, địa điểm, không gian, quang cảnh...) - Văn tả: sử dụng ngôi từ cần rõ nét, sinh động. - Cảm xúc của bản thân...

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.
- Kết nối với đề mục sau.

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**a) Mục tiêu:**

- Bài viết tham khảo tả chợ phiên vùng cao.
- Biết được cách bước tả cảnh sinh hoạt và lựa chọn hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong văn tả cảnh chợ phiên ở vùng cao.
- Chỉ ra được các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).

b) Nội dung:

- HS đọc SGK
- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.**d) Tổ chức thực hiện**

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Bài viết tả cảnh sinh hoạt ở đâu? Cảnh sinh hoạt đó được tác giả miêu tả như thế nào? GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm 1. Xác định bố cục trong bài văn? 2. Phần nào giới thiệu cảnh sinh hoạt? 3. Phần nào tập trung vào các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu của chợ phiên vùng cao ? Đó là những hình ảnh nổi bật nào? 4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được tả? GV yêu cầu: HS tả lại ngắn gọn cảnh chợ phiên vùng cao theo các sự việc được xác định. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 2' - Làm việc nhóm 5' để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao. GV: - Hướng dẫn HS trả lời - Quan sát, theo dõi HS thảo luận B3: Báo cáo thảo luận HS: - Trả lời câu hỏi của GV - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm B4: Kết luận, nhận định	Bài mẫu: - Tả cảnh sinh hoạt ở chợ phiên vùng cao. - Bố cục: 3 phần. - Các phần: + Đoạn 1: Giới thiệu cảnh sinh hoạt. + Đoạn 2, 3: tả quang cảnh chung. + Đoạn 4: tả hoạt động cụ thể của con người. + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc, thái độ của người viết. - Các hình ảnh, chi tiết nổi bật: + Cảnh chợ phiên thú vị nhất là họp vào buổi sáng thứ Bảy hằng tuần. + Từng tốp người đi bộ hoặc cưỡi ngựa từ khắp nẻo đường mòn xuống chợ phiên để trao đổi hàng hóa, giao lưu, gặp gỡ lẫn nhau. + Cảnh họp chợ đông vui, náo nhiệt và đủ các sắc màu của các

GV: - Nhận xét + Câu trả lời của HS + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm + Sản phẩm của các nhóm - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau	sắc tộc khác nhau. + Cảnh buôn bán, giao đổi hàng hóa, gia súc. + Cảnh chợ tan tằm trưa.
---	--

THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.
- Tập trung vào những chi tiết cụ thể và đặc sắc.
- Sử dụng từ ngữ miêu tả phù hợp.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến												
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Liệt kê những chi tiết đặc sắc? ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn? ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong? B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý. HS: - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài. - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu. - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý. - Sửa lại bài sau khi viết. B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm. HS: - Đọc sản phẩm của mình. - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang	1. Trước khi viết a) Lựa chọn đề tài b) Tìm ý <table border="1"> <tr> <td>Em tả cảnh gì?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?</td><td></td></tr> <tr> <td>Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?</td><td></td></tr> <tr> <td>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td><td></td></tr> </table> c) Lập dàn ý - <u>Mở bài</u> : giới thiệu cảnh sinh hoạt. - <u>Thân bài</u> : Miêu tả cảnh sinh hoạt. + Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt. + Tả cụ thể cảnh cụ thể theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia. + thể hiện cảm xúc khi quan sát, chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. - <u>Kết bài</u> : nêu suy nghĩ, đánh giá của người	Em tả cảnh gì?		Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?		Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?		Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?		Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?		Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	
Em tả cảnh gì?													
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời điểm nào?													
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?													
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?													
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động nào?													
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?													

mục sau.	viết. 2. Viết bài Khi viết bài em cần chú ý: + Tả những gì em đã quan sát. + Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị, ... chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động. 3. Chỉnh sửa bài viết - Đọc và sửa lại bài viết theo gợi ý.
----------	---

TRẢ BÀI

a) Mục tiêu: Giúp HS - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết. - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn. b) Nội dung: - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn. - HS đọc bài viết, làm việc nhóm. c) Sản phẩm: Bài đã sửa của HS. d) Tổ chức thực hiện	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét. B2: Thực hiện nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm B3: Báo cáo thảo luận - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - HS nhận xét bài viết. B4: Kết luận, nhận định (GV) - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. - <i>Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.</i>	Bài viết đã được sửa của HS

C. NÓI VÀ NGHE

(1 tiết)

CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Ngồi kể và người kể chuyện
- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.
- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa có chuyện để kể.	Có chuyện để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện.	Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu.	Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng.
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS lắng nghe một đoạn ngữ liệu (câu chuyện) và giao nhiệm vụ cho HS.

- HS lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đọc cho HS nghe một đoạn ngữ liệu và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn văn bản? Nhân vật trong đoạn văn bản kể về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI	
<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói <p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi và nhận xét sâu trả lời của HS - HS trả lời câu hỏi của GV 	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? Mục đích nói của bài nói là gì?</p> <p>? Những người nghe là ai?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. <p>? Em sẽ nói về nội dung gì?</p> <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi của GV. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b</p>	<p>CHUẨN BỊ BÀI NÓI</p> <p>a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).</p> <p>Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.</p>
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói <p>? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra?</p> <p>? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó.</p> <p>? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì?</p> <p>? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành</p>	<p>b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện.</p> <p>* <u>HS chuẩn bị được bài nói</u> bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh.</p> <p>* <u>Tập luyện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói một mình - HS luyện nói cùng cặp đôi

<p>động, lời nói như thế nào? ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em? - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị bài nói - HS luyện nói tại chỗ B3: Thảo luận, báo cáo - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm B4: Kết luận, nhận định (GV) GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói.</p>	
--	--

TRÌNH BÀY NÓI	
<p>Mục tiêu: - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. Nội dung: GV yêu cầu : - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị. - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị. - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.</p>	<p>- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm). + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lý. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.</p>

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI	
<p>Mục tiêu: Giúp HS - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. Nội dung: - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.</p>	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu</p>

<p>GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.</p> <p>HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.</p> <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. 	<p>chí.</p> <p>- Nhận xét của HS</p>
--	--------------------------------------

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

“Kể về một chuyến du lịch của gia đình em.”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần nói và nghe của HS.

HĐ 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy quay lại bài nói của em về “Một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến” thành một video

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS lắng nghe và ghi chép

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành: gửi video về địa chỉ mail của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU SỐ 1

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS: uigeli.xyz Lớp: **Trang 28**

Nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho bài văn *Tả cảnh sinh hoạt*

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng

PHIẾU SỐ 2
THANG ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

Tiêu chí	Đánh dấu (x)
1. Chưa tích cực: nhóm trưởng phân công chưa hợp lý, các thành viên hoạt động chưa thật tích cực, tự giác.	
2. Tích cực: nhóm trưởng biết điều khiển nhóm, giao nhiệm vụ hợp lý, còn một vài thành viên chưa thật tích cực, tự giác trong hoạt động.	
3. Rất tích cực: nhóm trưởng biết điều khiển nhóm, giao nhiệm vụ hợp lý, các thành viên tích cực, tự giác hoạt động.	

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

STT	Tiêu chí	Mức độ				
		Mức 5 (Giỏi)	Mức 4 (Khá)	Mức 3 (Trung bình)	Mức 2 (Yếu)	Mức 1 (Kém)
1	Xđ đúng thể loại, kiểu bài (1.0 đ)	Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng kết hợp phù hợp,	Xác định đúng, chính xác kiểu bài, sử dụng	Xác định đúng, kiểu bài, có sử dụng kết hợp các	Xác định đúng, kiểu bài, bài văn miêu tả	Không xác định được đối tượng miêu tả

		linh hoạt các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – vẽ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm linh hoạt.	kết hợp phù hợp các phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả cảnh vật, cảnh sinh hoạt có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm phù hợp.	phương thức biểu đạt: bài văn miêu tả cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển bước đầu có kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm.	cảnh – miêu tả toàn cảnh bãi biển chưa biết kết hợp các phương thức biểu đạt khác.	
2	Nội dung (5.0 điểm)	- Bài viết tái hiện một cách sinh động các vẽ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt.	- Bài viết tái hiện một cách chân thật, cụ thể cảnh vật, cảnh sinh hoạt.	- Bài viết tái hiện được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt.	Miêu tả được những nét đẹp cơ bản của cảnh vật, cảnh sinh hoạt nhưng còn sơ sài, chung chung.	Không miêu tả được những nét cơ bản về cảnh vật, cảnh sinh hoạt.
3	Liên kết (1.0 điểm)	Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các đoạn tạo nên tính mạch lạc, logic và có sức thuyết phục cao.	Bài viết có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần các đoạn tạo nên tính mạch lạc.	Bài viết có sự liên kết xuyên suốt nhưng đôi chỗ chưa mạch lạc	Bài viết có liên kết nhưng nhiều chỗ chưa mạch lạc	Chưa thể hiện được sự liên kết.
4	Tình cảm xúc đối với nhân vật (0.5 điểm)	- Thể hiện được cảm xúc, rung động trước vẻ đẹp của cảnh vật, cảnh sinh hoạt bằng	Người viết thể hiện được tình yêu mến với vẻ đẹp của cảnh	Người viết thể hiện được tình yêu mến với của cảnh vật, cảnh sinh	Người viết thể hiện được tình cảm với của cảnh vật, cảnh sinh	Chưa bày tỏ được cảm xúc với của cảnh vật, cảnh sinh hoạt

		việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động có tính gợi hình gợi cảm cao.	vật, cảnh sinh hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phong phú, sinh động.	hoạt bằng việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh phù hợp.	hoạt nhưng cảm xúc chưa rõ ràng	
5	Diễn đạt (1.0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết có cách diễn đạt mới mẻ, trôi chảy. - Cách dùng từ, đặt câu sáng tạo, chuẩn xác. - Không sai chính tả. - Biết kết hợp phong phú các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa và khả năng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy. - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác. - Không sai chính tả. - Biết kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa và có khả năng liên tưởng, tưởng tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài viết có cách diễn đạt trôi chảy. - Cách dùng từ, đặt câu chuẩn xác. - Còn mắc một số lỗi chính tả. - Bước đầu biết kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách dùng từ, đặt câu. - Còn mắc một số lỗi dùng từ, đặt câu. - Có mắc một số lỗi chính tả 	Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả.
6	Trình bày (1.0 điểm)	Bố cục rõ ràng, hợp lý, bài sạch, chữ đẹp, không gạch xóa.	Bố cục rõ ràng, bài sạch, chữ rõ, không gạch xóa.	Bố cục rõ ràng, chữ viết rõ ràng, ít gạch xóa.	Bố cục rõ ràng, chữ viết tương đối rõ ràng, còn nhiều gạch xóa.	Chưa thể hiện được bố cục, chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa.
7	Sáng tạo (0.5 điểm)	- Có nhiều ý tưởng độc đáo, mới mẻ.	- Có khá nhiều ý tưởng mới mẻ.	- Có một số ý tưởng mới mẻ.	- Có một ý tưởng mới mẻ.	Không có sự sáng tạo.
